

ベトナム語 こ Tiếng việt

ほいくしょ
保育所ガイドブック
SÁCH HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ TRẺ



おおさかし せいしょうねんきょく
大阪市こども青少年局

BAN THANH THIẾU NIÊN NHI
ĐỒNG THÀNH PHỐ OSAKA

	ページ
1. 保育所 ^{ほいくしょ} について	1
2. 利用 ^{りよう} 可能 ^{かのう} 日時 ^{にちじ}	1
3. 送り ^{おく} 迎え ^{むか}	1
4. 休み ^{やす} や遅 ^{おく} れるときの連 ^{れん} 絡 ^{らく}	1
5. 緊 ^{きん} 急 ^{きゅう} 時の ^じ こと一日 ^{いちにち} の生 ^{せい} 活 ^{かつ}	3
6. 一日 ^{いちにち} の生 ^{せい} 活 ^{かつ}	3
7. 給 ^{きゅう} 食 ^{しょく} ・おやつ	5
8. こどもの健 ^{けん} 康 ^{こう}	5
9. もちもの	7
★ 施 ^し 設 ^{せつ} 情 ^{じょう} 報 ^{ほう}	9・11



Mục lục

	Trang
1. Đôi nét về nhà trẻ	2
2. Thời gian sử dụng	2
3. Đưa đón	2
4. Liên lạc khi nghỉ học hoặc tới trễ	2
5. Trường hợp khẩn cấp	4
6. Một ngày sinh hoạt	4
7. Các bữa ăn chính và phụ	6
8. Sức khỏe của các bé	6
9. Vật dụng cần mang theo	8
★ Thông tin cơ sở nhà trẻ	10 • 12



1. 保育所について

保護者の就労や疾病等により、子どもを家庭で保育できない場合に、保育所を利用することができます。施設によって、受け入れるこどもの年齢や人数、利用時間が違います。利用を希望される場合は、お住まいの区の保健福祉センター保育担当へお申し込みください。

2. 利用可能日時

利用できる日は原則として月曜日から土曜日ですが、休日に利用できる施設もあります。開所時間や年末年始の休業日等は施設によって異なります。また、認定された保育必要量にに応じて、保育所を利用できる時間が異なりますので、申し込みの際には、必ずこれらの情報を確認してください。

3. 送り迎え

こどもの安全のため、保護者もしくはそれに代わる方が送迎をしてください。保護者以外の方が送迎する場合は事前に連絡が必要です。また、送迎の時間が変わる場合も、その都度連絡が必要です。

4. 休みや遅れるときの連絡

病気や用事で保育所を休むときや遅れるときは、保育所に必ず連絡を入れてください。施設によって連絡を入れる時間が決まっていることがありますので、注意してください。

1. Đôi nét về nhà trẻ

Trong trường hợp phụ huynh không thể chăm sóc bé tại nhà vì lý do sức khỏe hoặc công việc thì có thể gửi bé vào nhà trẻ. Tùy theo từng nhà trẻ mà thời gian gửi bé, độ tuổi bé, số lượng tiếp nhận bé sẽ khác nhau. Trong trường hợp bạn có mong muốn gửi bé vào nhà trẻ thì hãy đăng ký với người phụ trách về vấn đề nhà trẻ ở Trung tâm phúc lợi xã hội nơi bạn đang sống.

2. Thời gian sử dụng

Trên nguyên tắc thì bạn có thể gửi bé từ thứ 2 đến thứ 7, tuy nhiên cũng có một số cơ sở có thể gửi bé vào ngày nghỉ. Tùy theo từng nhà trẻ mà thời gian mở cửa, thời gian nghỉ tết dương lịch và ngày nghỉ của nhà trẻ là khác nhau. Ngoài ra, dựa vào đánh giá mức độ cần thiết phải gửi bé vào nhà trẻ của từng gia đình mà thời gian sử dụng được gửi bé sẽ khác nhau. Vì vậy, khi đăng ký gửi trẻ thì bạn hãy xác nhận kỹ những thông tin kể trên.

3. Đưa đón

Để đảm bảo an toàn cho bé, đề nghị phụ huynh hoặc người có thể thay thế phụ huynh hãy đưa đón bé. Đối với trường hợp có người thay thế phụ huynh đón bé thì cần phải liên lạc trước với người phụ trách. Trong trường hợp thời gian đưa đón có sự thay đổi thì hãy báo sớm nhất có thể.

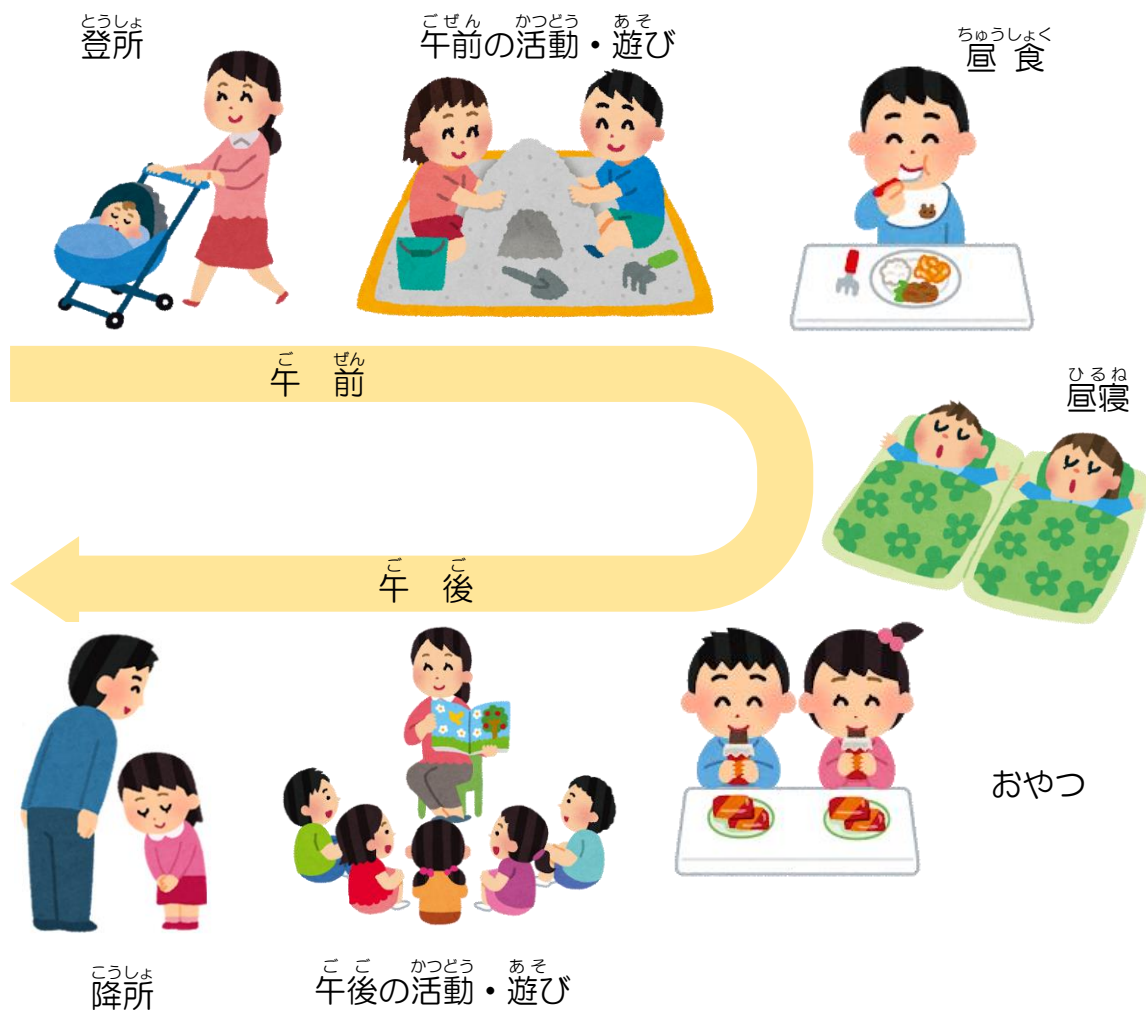
4. Liên lạc khi nghỉ học hoặc tới trễ

Khi chậm trễ hoặc nghỉ học vì có việc bận hoặc do vấn đề sức khỏe thì nhất định phải liên lạc với nhà trẻ. Các nhà trẻ có những quy định khác nhau về thời gian có thể liên lạc được, vì vậy phụ huynh cần chú ý kỹ.

5. 緊急時のこと

とくべつけいほう ぼうふうけいほう はつれいちゅう ほいくしよ りんじきゅうぎょう
 特別警報や暴風警報が発令中は、保育所は臨時休業となります。施設によって、
 やす じょうけん ちが ばあい
 休みになる条件が違ふ場合がありますので、施設に確認してください。また、
 ほいくじかんちゅう さいがい はっせい ばあい しせつ ちかく ひなん
 保育時間中に災害が発生した場合は、施設の近くに避難することがあります。避難
 ばしょ かくにん
 場所も確認してください。

6. 一日の生活

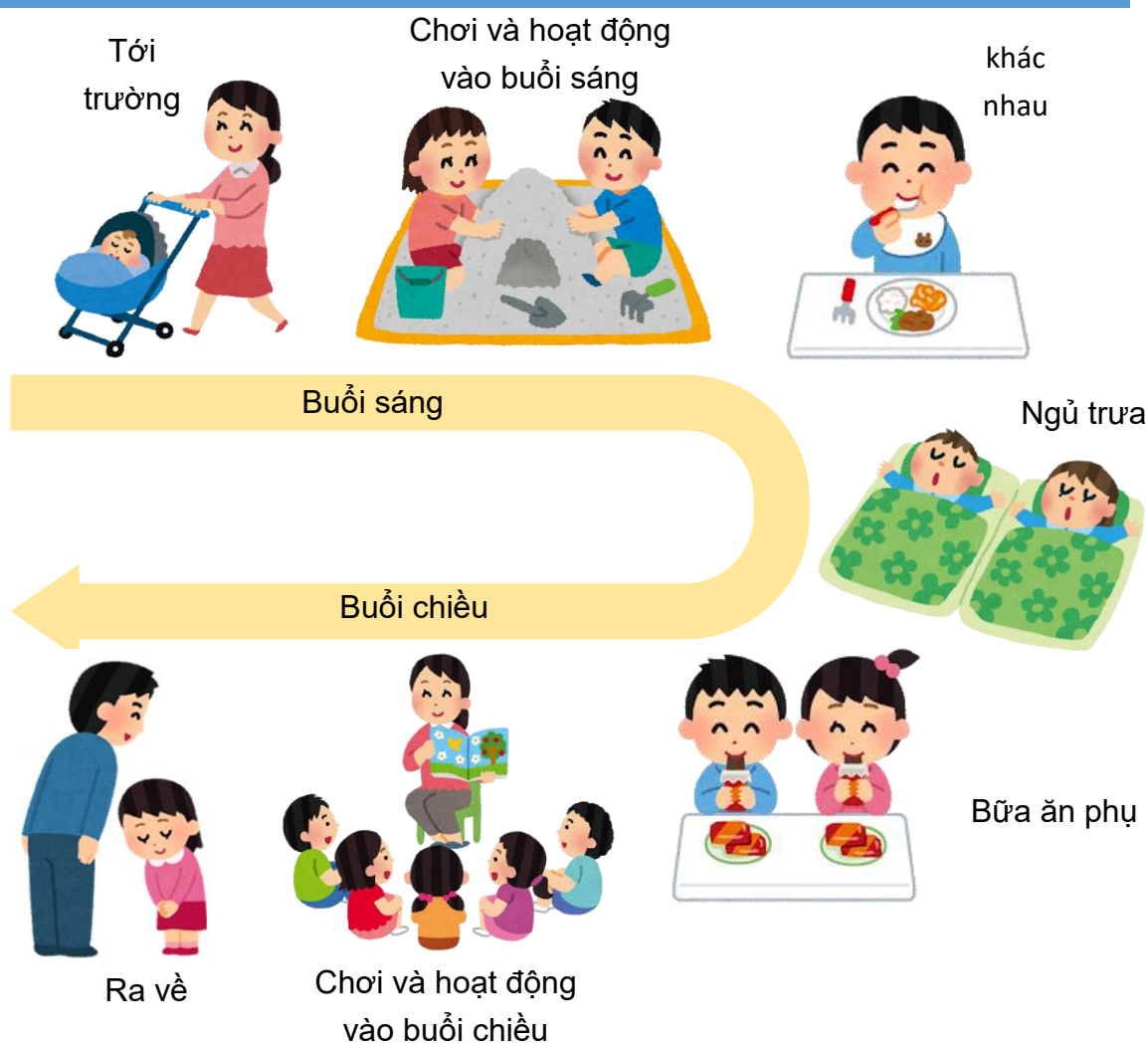


(※ほいくしよ での過ごし方は、ねんれい 年齢、しせつ 施設によりこと 異なります。)

5. Trường hợp khẩn cấp

Đối với những trường hợp có cảnh báo đặc biệt hoặc cảnh báo về gió lớn thì nhà trẻ sẽ tạm thời đóng cửa. Tùy theo từng nhà trẻ mà các quy định về vấn đề tạm đóng cửa nhà trẻ sẽ khác nhau, vì vậy bạn hãy xác nhận lại với các cơ sở để biết thêm thông tin. Ngoài ra, cũng có trường hợp phải lánh nạn khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra. Hãy nhớ xác nhận cả địa điểm lánh nạn nữa nhé.

6. Một ngày sinh hoạt



(※Tùy vào cơ sở nhà trẻ và độ tuổi bé mà cách sinh hoạt ở nhà trẻ sẽ khác nhau)

7. 給食・おやつ

給食と午後のおやつは全員に提供されます。乳児クラス（0～2歳児）については、午前のおやつも提供されます。

幼児クラス（3～5歳児）は、給食費（主食【給食の米・パン・麺など】の代金＋副食【給食のおかず】の代金）が必要です。（料金は施設により異なります。）

8. こどもの健康

こどもは、抵抗力が未熟なため、感染症などの病気にかかりやすく、体調が十分に回復していない状態で保育所に行くと、再び体調が悪化することもあります。

感染症にかかったときは、全身の状態が回復し、問題なく集団生活が送れるようになるまでお休みしてください。感染症によっては、保育所へ行くために医師の意見書が必要になることがあります。

前日や当日の朝のこどもの健康状態で気になる様子があるときは、必ず保育士にお知らせください。

また、保育所で熱が出るなど、健康状態に変化があれば、お迎えをお願いすることがあります。



7. Các bữa ăn chính và phụ

Bữa ăn chính và bữa phụ vào buổi chiều sẽ được cung cấp cho tất cả các bé. Đối với các bé lớp Nyuuji (lớp cho bé 0~2 tuổi) thì sẽ được cung cấp cả bữa phụ vào buổi sáng.

Đối với các bé lớp Youji (lớp cho bé 3~5 tuổi) thì phải đóng tiền ăn (Tiền thực phẩm chính [ví dụ như gạo, bánh mì, mì sợi] + Tiền thực phẩm phụ [thức ăn]). (tùy theo từng cơ sở nhà trẻ mà số tiền phải đóng sẽ khác nhau)

8. Sức khỏe bé

Sức đề kháng của các bé rất yếu nên rất dễ nhiễm bệnh, vì vậy với những bé chưa hồi phục hoàn toàn sức khỏe mà lại phải tới trường thì có khả năng sẽ bị bệnh trở lại. Nếu bé bị mắc các bệnh có thể lây nhiễm thì hãy cho bé nghỉ tại nhà cho tới khi cơ thể hồi phục hoàn toàn và có thể quay lại sinh hoạt tập thể với các bé khác. Cũng có trường hợp sẽ phải xin giấy cho phép quay lại nhà trẻ từ bác sĩ.

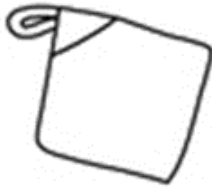
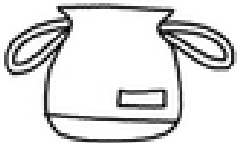
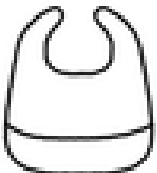
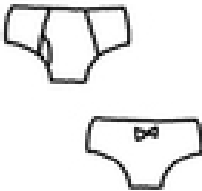
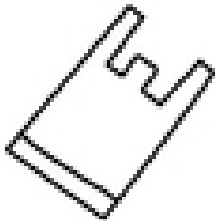
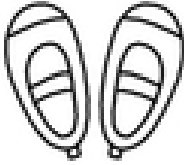
Nếu cảm thấy tình trạng sức khỏe của bé ngày trước đó hoặc ngày đó có gì đó không an tâm thì phải báo với giáo viên.

Ngoài ra, có một số trường hợp sức khỏe bé có sự thay đổi ví dụ như phát sốt tại nhà trẻ thì có thể sẽ phải nhờ phụ huynh tới đón bé về nhà.



9. もちもの

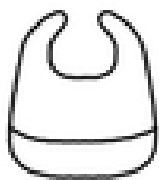
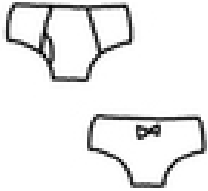
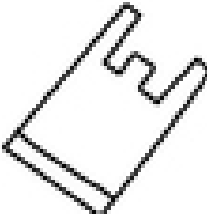
すべてのもちものに ^{かなら}必ず ^{なまえ}名前 ^かを書いてください。

			
てふ 手拭きタオル	コップ	はぶらし	コップ ^{ぶくろ} 袋
			
ぼうし 帽子	リュックサック	はし ^{はし} 箸・箸箱	エプロン
			
き 着がえ	パンツ	^{かみ} 紙 ^紙 パンツ・おむつ	おしりふき
			
^{よご} ^{もの} ^い 汚れ物入れ	^{たいおんけい} 体温計	^{うわ} 上ぐつ	^{うわ} ^{ぶくろ} 上ぐつ 袋

※もちものは、^{ねんれい}年齢、^{しせつ}施設により異なります。

9. Vật dụng cần mang theo

Hãy viết tên bé lên tất cả các vật dụng cá nhân

			
Khăn lau tay	Cốc	Bàn chải	Túi đựng cốc
			
Mũ	Cặp sách	Đũa • Hộp đũa	Yếm ăn
			
Đồ để thay	Quần lót	Quần lót giấy • Bỉm	Khăn lau mông
			
Túi đựng đồ dơ	Nhiệt kế	Giày đi trong nhà	Túi đựng giày đi trong nhà

※Tùy vào cơ sở nhà trẻ và độ tuổi bé mà vật dụng cần mang theo sẽ khác nhau.

し せ つ じ ょ う ほ う 施 設 情 報

1. ほいくしょ 保育所について

しせつめい 施設名		
じゅうしょ 住 所		
でんわばんごう 電話番号		
しせつちょうめい 施設長 名		
くらすめい クラス名	さいじ 0歳児クラス	
	さいじ 1歳児クラス	
	さいじ 2歳児クラス	
	さいじ 3歳児クラス	
	さいじ 4歳児クラス	
	さいじ 5歳児クラス	

2. りょうかのうにちじ 利用可能日時

かいしよじかん 開所時間	じ 分 ～ じ 分	
ほいくにんていじかん 保育認定時間	たんじかんにんてい 短時間認定	じ 分 ～ じ 分
	ひょうじゅんじかんにんてい 標準時間認定	じ 分 ～ じ 分
	にんていじかんいがい じかんだい 認定時間以外の時間帯において、やむを得ない理由により保育が ひつよう ばあい かいしよじかんない えんちょうほいく ていきよう 必要な場合は、開所時間内で延長保育を提供します。(有 料)	
やす ひ 休みの日	にちようび しゅくじつ ねんまつねんし 日曜日・祝 日・年末年始	

Thông tin cơ sở nhà trẻ

1. Đôi nét về nhà trẻ

Tên cơ sở		
Địa chỉ		
Số điện thoại		
Tên hiệu trưởng		
Tên lớp	Lớp 0 tuổi	
	Lớp 1 tuổi	
	Lớp 2 tuổi	
	Lớp 3 tuổi	
	Lớp 4 tuổi	
	Lớp 5 tuổi	

2. Thời gian sử dụng

Giờ mở cửa	giờ phút ~ giờ phút			
Đánh giá mức độ cần thiết về thời gian gửi trẻ	Mức độ thời gian ngắn	giờ phút ~ giờ phút		
	Mức độ thời gian tiêu chuẩn	giờ phút ~ giờ phút		
	Đối với trường hợp cần gửi bé vào khoảng thời gian ngoài mức độ đánh giá, nếu có lý do chính đáng thì nhà trẻ sẽ cung cấp dịch vụ gửi ngoài thời gian quy định. (Mất phí)			
Ngày nghỉ	Chủ nhật • Ngày lễ • Ngày cuối năm và đầu năm mới			

3. おくむか 送り迎え

ほいくじかん 保育時間	にんてい じかんだい しゅうろうとう じょうきょう 認定された時間内で就労等の状況により、それぞれの保育 じかん き 時間が決まります。決まった時間を守って送り迎えをしてくださ そうげい ひと か 送迎の人が代わるときや送迎の時間が変わるときは 必ず れんらく 連絡をいれてください。
あさ じかん 朝の時間	あさ じ ぶん き 朝は 時 分までに来てください。 おく かなり れんらく 遅れるときは 必ず連絡をいれてください。

4. やすおく れんらく 休みや遅れるときの連絡

やす 休むときや遅れるときは	じ ぶん かなり れんらく 時 分までに 必ず連絡をいれてください。
-------------------	---------------------------------------

5. きんきゅう じ 緊急時のこと

やす 休みになるとき	とくべつけいほうはつれいちゅう ぼうふうけいほうはつれいちゅう 特別警報発令中・暴風警報発令中	
きんきゅうひなんばしょ 緊急避難場所	いちじひなんばしょ 一時避難場所	
	こういきひなんばしょ 広域避難場所	

6. その他

きゅうしょくひ 給食費 (3~5歳児のみ必要)	きゅうしょく しゅしょくだい つき えん 給食の主食代 月 円
	きゅうしょく ふくしょくだい だい つき えん 給食の副食代(おかず代) 月 円
	ふくしょくだい だい かてい しゅうにゅう じょうきょうとう めんじょ 副食代(おかず代)は家庭の収入やきょうだいの状況等で免除 になることがあります。

3. Đưa đón

Thời gian gửi trẻ	Thời gian gửi trẻ được quy định dựa vào tình trạng công việc,.. của phụ huynh, vì vậy hãy tuân thủ giờ đưa đón bé đã được quy định. Đối với trường hợp có người thay thế phụ huynh đón bé hoặc thời gian đưa đón có sự thay đổi thì cần phải liên lạc trước với người phụ trách.
Thời gian buổi sáng	Buổi sáng trước lúc giờ phút, hãy tới nhà trẻ. Nếu có chậm trễ thì nhất định phải liên lạc.

4. Liên lạc khi nghỉ học hoặc tới trễ

Nếu nghỉ học hoặc chậm trễ thì trước giờ phút, nhất định phải liên lạc với người phụ trách.

5. Trường hợp khẩn cấp

Nhà trẻ nghỉ	Có phát cảnh báo đặc biệt • Có phát cảnh báo gió lớn	
Địa điểm lánh nạn khẩn cấp	Địa điểm tạm thời	
	Địa điểm chính	

6. Những mục khác

Tiền ăn Đối với trường hợp bé 3~5 tuổi	Tiền thực phẩm chính tháng yên
	Tiền thực phẩm phụ (thức ăn) tháng yên
	Tiền thực phẩm phụ (thức ăn) có thể sẽ được miễn phí tùy vào tình trạng về anh chị em của bé hoặc thu nhập gia đình.



きょうりよく おおさかこくさいこうりゅう
協 力：大阪国際交 流センター

Phối hợp: (Công đoàn) Trung tâm giao lưu quốc tế Osaka